

Phụ lục 5
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC ĐIỆN				
1.	1.013401	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	14 ngày	7 ngày	
2.	1.013411	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	14 ngày	7 ngày	
3.	1.013412	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	14 ngày	7 ngày	
4.	1.013416	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	14 ngày	7 ngày	
5.	1.013417	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng).	10 ngày	5 ngày	
6.	1.013418	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	10 ngày	5 ngày	
7.	1.013419	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm	10 ngày	5 ngày	

		quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
8.	1.013421	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	10 ngày	5 ngày	
9.	1.013420	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng.	10 ngày	5 ngày	
II.	LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC				
10.	1.013394	Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	12 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
11.	1.013395	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	12 ngày làm việc	6 ngày làm việc	
12.	1.013004	Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	10 ngày	5 ngày	
13.	1.013005	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	10 ngày	5 ngày	
14.	2.002676	Thông báo phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia	Không quy định thời gian	Không quy định	
III.	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG				
15.	1.004021	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
16.	1.003992	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 7,5 ngày làm việc	

			- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 7 ngày làm việc	- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 3,5 ngày làm việc	
17.	1.004007	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
18.	1.013780	Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày	7,5 ngày	
19.	1.013779	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
20.	1.000949	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
21.	1.000667	Nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
22.	2.000209	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
23.	1.000363	Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
24.	1.000172	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

25.	1.000162	Chấp thuận đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư sản xuất thuốc lá xuất khẩu, gia công thuốc lá xuất khẩu, di chuyển địa điểm theo quy hoạch; đầu tư chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
26.	1.000981	Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
27.	1.000948	Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
28.	1.000911	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
IV.	LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP				
29.	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	32 ngày làm việc	16 ngày làm việc	
V.	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG				
30.	1.001158	Cấp giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghệ hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
VI.	LĨNH VỰC THỦ CÔNG MỸ NGHỆ				
31.	1.012471	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	90 ngày làm việc	45 ngày làm việc	
VIII.	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG				
32.	2.000331	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp thành phố	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
IX.	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG				

33.	2.000191	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	30 ngày và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 30 ngày trong trường hợp phức tạp	15 ngày và có thể được gia hạn thêm tối đa không quá 15 ngày trong trường hợp phức tạp	
X.	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI				
34.	1.005190	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
35.	2.000110	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
XI.	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ				
36.	2.001424	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
37.	1.000510	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
38.	1.000491	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
39.	1.005184	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	7 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
40.	1.005372	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
41.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
42.	1.000706	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu,	15 ngày làm	7,5 ngày làm	

		nhập khẩu CNG	việc	việc	
43.	2.000279	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
44.	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
45.	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
46.	2.000136	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
47.	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
48.	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
49.	2.000156	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
50.	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
51.	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
52.	1.000387	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
53.	2.000142	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
54.	2.000387	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	

55.	2.000376	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
56.	2.000371	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
57.	1.000742	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
58.	2.000304	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
59.	1.000709	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
60.	1.000704	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
61.	1.000475	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
62.	2.000211	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
63.	1.000455	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
64.	2.000207	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
65.	1.000444	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
66.	2.000201	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
67.	2.000196	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	

68.	2.000194	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
69.	2.000187	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	7 ngày làm việc hợp lệ	3,5 ngày làm việc hợp lệ	
70.	1.000425	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
71.	2.000180	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
72.	2.000175	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
73.	2.000163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
74.	2.000073	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
XII.	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC				
75.	1.003977	Cấp giấy phép phân phối rượu	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
76.	1.003101	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	7 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
77.	1.005376	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	7 ngày làm việc	4 ngày làm việc	
78.	2.001624	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
79.	2.000636	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

80.	2.001619	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
81.	1.001338	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	7 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
82.	2.000598	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
83.	1.001323	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
84.	2.000190	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
85.	2.000167	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
86.	2.000176	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
87.	2.000626	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
88.	2.000622	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
89.	2.000204	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
90.	2.000637	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
91.	2.000640	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
92.	2.000197	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	

93.	2.000666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
94.	2.000664	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
95.	2.000673	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
96.	2.000672	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
97.	2.000669	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
98.	2.000648	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
99.	2.000647	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
100.	2.000645	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
101.	1.010696	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
102.	2.001646	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
103.	2.001630	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 15 ngày làm việc	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 7,5 ngày làm việc	

			- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 7 ngày làm việc	- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 3,5 ngày làm việc	
104.	2.001636	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (sản lượng dưới 3 triệu lít/năm)	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
XIII.	LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP				
105.	2.000324	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	7,5 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	
106.	1.003705	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
107.	2.000309	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
108.	2.000631	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
109.	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	7 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công	3,5 ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương nhận được thông báo, Sở Công	

			Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung	Thương không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung	
110.	2.001573	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
111.	2.000619	Thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	
XIV.	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ				
112.	1.012567	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản	- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định giao tài sản kết	

			kết cấu hạ tầng chợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.	cấu hạ tầng chợ của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.	
113.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi đối với tài sản kết	- Trong thời hạn 22,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi đối với tài sản	

			cầu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.	kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.	
XV.	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ				
114.	1.000880	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
115.	1.003390	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Không quy định		
116.	2.000243	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Không quy định		

XVI. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI					
117.	2.000004	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
118.	2.000002	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
119.	2.000131	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
120.	2.000026	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
121.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- 40 ngày làm việc - 80 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến của các Bộ: Công an, Quốc phòng)	- 20 ngày làm việc - 40 ngày làm việc (trường hợp phải xin ý kiến của các Bộ: Công an, Quốc phòng)	
122.	2.002607	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	28 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
123.	2.002605	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	28 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
124.	2.002608	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	60 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, xem xét chấp thuận và rút	30 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, xem xét chấp thuận và rút	

			Giấy phép trong vòng 14 ngày làm việc	Giấy phép trong vòng 07 ngày làm việc	
125.	2.002606	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức XTTM nước ngoài	- 28 ngày làm việc theo điểm a khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP. - 52 ngày làm việc đối với hồ sơ theo điểm b khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP.	- 14 ngày làm việc theo điểm a khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP. - 26 ngày làm việc đối với hồ sơ theo điểm b khoản 1a Điều 28/2018/NĐ-CP.	
126.	2.000026	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
127.	2.000001	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
128.	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Không quy định	Không quy định	
129.	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Không quy định	Không quy định	
XVII.	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM				
130.	1.003951	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	30 ngày làm việc (chưa	15 ngày làm việc (chưa	

			bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	
131.	2.001682	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
132.	1.003929	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	15 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	
133.	2.001660	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	15 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	
134.	1.003860	Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	45 ngày làm việc	22,5 ngày làm việc	
135.	2.001595	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	30 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	15 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)	
136.	2.001293	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm do Bộ Công Thương thực hiện	22 ngày làm việc (chưa bao gồm thời	11 ngày làm việc (chưa bao gồm thời	

			gian khắc phục của cơ sở)	gian khắc phục của cơ sở)	
137.	2.001278	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh sản phẩm thực phẩm	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp	

			cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy	cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở, chủ cơ sở hoặc người được ủy quyền, địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí địa lý và toàn bộ quy trình sản xuất: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. - Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy	
--	--	--	--	---	--

			chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.	chứng nhận do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.	
138.	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	25 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian khắc phục của cơ sở)	12,5 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian khắc phục của cơ sở)	
139.	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay	- Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay	

			đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực; Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh : 25 ngày làm việc - Trường hợp khác: 3 ngày làm việc	đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực; Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh : 12,5 ngày làm việc - Trường hợp khác: 1,5 ngày làm việc	
140.	2.000117	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp	10 ngày làm việc (chưa bao gồm thời gian khắc phục của cơ sở)	
141.	2.000115	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm	* Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt	* Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt	

			hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh: Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt” (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ) * Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc hỏng; do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy	hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có tăng về cơ sở kinh doanh: Trong vòng 2,5 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt” (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ) * Trường hợp cấp lại do bị mất hoặc hỏng; do cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và	
--	--	--	---	---	--

			trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; do cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh: 3 ngày làm việc	toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; do cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm có giảm về cơ sở kinh doanh: 1,5 ngày làm việc	
XVIII	LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG				
142.	2.000140	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
143.	2.000066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
XIX.	LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA				
144.	1.013989	Cấp Quyết định thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
145.	1.013990	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	10 ngày làm	5 ngày làm	

			việc	việc	
146.	2.000046	Thông báo công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
XX.	LĨNH VỰC HÓA CHẤT				
147.	1.003820	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	- 16 ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	- 8 (tám) ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
148.	1.003775	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	- Thời hạn 5 ngày làm việc	- Thời hạn 2,5 ngày làm việc	
149.	2.001585	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	- 16 ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	- 8 (tám) ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
150.	1.003724	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- 16 ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	- 8 (tám) ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
151.	2.001722	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- Thời hạn 5 ngày làm việc	- Thời hạn 2,5 ngày làm việc	
152.	1.004031	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	- 16 ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	- 8 (tám) ngày làm việc và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	

153.	2.000431	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Trong thời hạn 7 ngày làm việc đầy đủ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc đầy đủ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
154.	1.012429	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
155.	1.012430	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Trong thời hạn 7 ngày làm việc đầy đủ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc đầy đủ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
156.	1.012431	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
157.	2.000257	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Trong thời hạn 5 ngày làm việc đầy đủ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc đầy đủ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
158.	1.012432	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
159.	1.012433	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Trong thời hạn 7 ngày	Trong thời hạn 3,5 ngày	

			làm việc	làm việc	
160.	1.012434	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
161.	1.012441	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Trong thời hạn 16 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trong thời hạn 8 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
162.	1.012439	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
163.	1.012440	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Trong thời hạn 16 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trong thời hạn 8 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
164.	1.012441	Cấp giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Trong thời hạn 16 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trong thời hạn 8 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	

165.	1.012442	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
166.	1.012443	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Trong thời hạn 16 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Trong thời hạn 8 ngày làm việc, quy định và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	
167.	2.001547	Cấp GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác	- 6 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác	

			với địa phương đặt trụ sở chính.	với địa phương đặt trụ sở chính.	
168.	2.001175	Cấp lại GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	
169.	2.001172	Cấp điều chỉnh GCN ĐDK sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	- 6 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	

170.	1.002758	Cấp GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	- 6 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	
171.	2.001161	Cấp lại GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	
172.	2.000652	Cấp điều chỉnh GCN ĐDK kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ	- 6 ngày làm việc đối với trường hợp cơ	

			sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	
173.	1.011506	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.	- 6 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.	

			- 15 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	- 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	
174.	1.011507	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	
175.	1.011508	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	- 12 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 15 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân	- 6 ngày làm việc đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính. - 7,5 ngày làm việc đối với trường hợp tổ chức, cá nhân	

			có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.	
XXI.	LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP VÀ TIỀN CHẤT THUỐC NỔ				
176.	1.003401	Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Trong thời hạn 3 ngày làm việc.từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc.từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	
177.	2.000229	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	- Đối với trường hợp huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người quản lý: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, . - Đối với	- Đối với trường hợp huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người quản lý: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, . - Đối với	

			trường hợp kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ người quản lý: Trong thời hạn 20 ngày làm việc	trường hợp kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho người liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, trừ người quản lý: Trong thời hạn 10 ngày làm việc	
178.	2.000210	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	Trong thời hạn 3 ngày làm việc	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc	
179.	2.000221	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Trong thời hạn 18 ngày làm việc	Trong thời hạn 9 ngày làm việc	
180.	2.000172	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Trong thời hạn 3 ngày làm việc	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc	
181.	1.013058	Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Trong thời hạn 5 ngày	Trong thời hạn 2,5 ngày	

			làm việc	làm việc	
182.	1.000998	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
183.	1.000965	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
184.	2.001434	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
185.	2.001433	Cấp lại giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc	
XXII	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ				
186.	2.000147	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	25 ngày	12,5 ngày	
XXIII.	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN				
187.	1.013652	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và phê duyệt kế	- Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá và phê duyệt kế	

			hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hàm lò theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2025/TT- BCT.	hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hàm lò theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2025/TT- BCT.	
188.	1.014125	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	- Trong thời 5 ngày làm việc, đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức đề nghị. Trường hợp hồ sơ không , trong thời hạn 01 ngày làm việc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	- Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc, đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo kế hoạch kiểm tra cho tổ chức đề nghị. Trường hợp hồ sơ không , trong thời hạn 01 ngày làm việc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý	

			- Trong thời hạn 7 ngày làm việc, từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh này tổ chức kiểm tra. - Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản	do. - Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc, từ ngày thông báo kế hoạch kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh này tổ chức kiểm tra. - Trong thời hạn 2,5 (hai phẩy lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản	
189.	1.014126	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Trong thời hạn 3 ngày làm việc đầy đủ hợp lệ, Ủy ban nhân dân	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc đầy đủ hợp lệ, Ủy ban nhân dân	

			cấp tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản; trường hợp hồ sơ không , trong thời hạn 01 ngày làm việc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	cấp tỉnh cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản; trường hợp hồ sơ không , trong thời hạn 01 ngày làm việc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do	
190.	1.014127	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định thu hồi và thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn	Thời gian thực hiện: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra Quyết định thu hồi và thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn	

			về khai thác khoáng sản	về khai thác khoáng sản	
XXIV.	LĨNH VỰC DẦU KHÍ				
191.	1.013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	20 ngày	10 ngày	
XXV.	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG				
192.	2.001675	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	10 ngày làm việc,	5 ngày làm việc,	
193.	2.001665	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	5 ngày làm việc.	2,5 ngày làm việc.	
194.	1.001292	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	10 ngày làm việc.	5 ngày làm việc	
195.	2.000628	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	10 ngày làm việc.	5 ngày làm việc	
196.	2.000624	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	5 ngày làm việc.	2,5 ngày làm việc	
197.	1.001271	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	10 ngày làm việc.	5 ngày làm việc.	
198.	2.000618	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	10 ngày làm việc.	5 ngày làm việc.	
199.	2.000613	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	5 ngày làm việc.	2,5 ngày làm việc.	
200.	2.000604	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	10 ngày làm việc.	5 ngày làm việc.	
201.	1.000878	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	10 ngày làm việc,	5 ngày làm việc,	

202.	2.000401	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	10 ngày làm việc,	5 ngày làm việc,	
203.	2.000251	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	5 ngày làm việc.	2,5 ngày làm việc.	
XXVI.	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU				
204.	1.013778	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
205.	1.004191	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm nhập, tái xuất; Giấy phép tạm xuất, tái nhập; Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
206.	1.005405	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	15 ngày làm việc	7.5 ngày làm việc	
207.	1.005406	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
208.	1.003438	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)	- 10 ngày làm việc tại Sở Công Thương và UBND cấp tỉnh, - 07 ngày làm việc của các cơ quan, đơn vị liên quan	- 05 ngày làm việc tại Sở Công Thương và UBND cấp tỉnh, - 07 ngày làm việc của các cơ quan, đơn vị liên quan	
209.	1.001062	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

210.	1.000957	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
211.	1.000905	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
212.	1.000890	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
213.	1.004155	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
214.	1.004181	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
215.	2.001758	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
216.	1.000551	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	05 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
217.	1.000477	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	05 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
218.	1.001238	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
219.	1.001104	Cấp sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
220.	1.000264	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt ong tự nhiên sang Nhật Bản	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
221.	1.000350	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	

222.	1.001419	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
223.	1.000400	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico	- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị C/O của thương nhân được đính kèm trên Hệ thống eCoSys dưới dạng điện tử: +Trong thời hạn 06 giờ làm việc kể từ khi tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O được thông báo trên Hệ thống eCoSys. + Trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ	Không cắt giảm	
224.	2.002311	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI		Không cắt giảm	
225.	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D		Không cắt giảm	
226.	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu E		Không cắt giảm	
227.	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK		Không cắt giảm	
228.	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AJ		Không cắt giảm	
229.	2.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AI		Không cắt giảm	
230.	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AANZ		Không cắt giảm	
231.	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu S		Không cắt giảm	
232.	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu X		Không cắt giảm	
233.	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VJ		Không cắt giảm	
234.	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VC		Không cắt giảm	

235.	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VK	khi tổ chức cấp C/O nhận được Đơn đề nghị cấp C/O và C/O đã được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy. - Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp trực tiếp tại trụ sở của tổ chức cấp C/O dưới dạng bản giấy, trong thời hạn 08 giờ làm việc kể từ khi tổ chức cấp C/O	Không cắt giảm	
236.	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EAV		Không cắt giảm	
237.	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A		Không cắt giảm	
238.	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B		Không cắt giảm	
239.	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hoá xuất khẩu đi Châu Phi)		Không cắt giảm	
240.	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu ICO		Không cắt giảm	
241.	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu Peru		Không cắt giảm	
242.	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu Thổ Nhĩ Kỳ		Không cắt giảm	
243.	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela		Không cắt giảm	
244.	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập		Không cắt giảm	
245.	1.001370	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa		Không cắt giảm	
246.	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau		Không cắt giảm	

			nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ, tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.	giảm	
247.	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	- Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp qua bưu điện, trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư, tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.	Không cắt giảm	
248.	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng		Không cắt giảm	
249.	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP		Không cắt giảm	
250.	1.0079687	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK		Không cắt giảm	
251.	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU		Không cắt giảm	
252.	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1		Không cắt giảm	
253.	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA		Không cắt giảm	
254.	1.01076	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP		Không cắt giảm	
255.	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)		Không cắt giảm	
256.	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP		Không cắt giảm	
257.	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9		Không cắt giảm	
258.	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN		Không cắt giảm	
259.	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất		Không cắt giảm	

		xứ hàng hóa trong ASEAN		giảm	
XXVII.	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ				
260.	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
261.	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
262.	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
263.	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc	14 ngày làm việc	
264.	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
265.	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc/ 10 ngày làm việc	14 ngày làm việc/ 05 ngày làm việc	
266.	2.0000272	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
267.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

268.	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	55 ngày làm việc	27,5 ngày làm việc	
269.	2.000339	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
270.	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
271.	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
272.	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55 ngày làm việc	27,5 ngày làm việc	
273.	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
274.	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
275.	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc	27,5 ngày làm việc	
276.	1.000376	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	- 07 ngày làm việc - 08 ngày làm việc tại Sở Công Thương và UBND cấp tỉnh	3,5 ngày làm việc/ 04 ngày làm việc tại Sở Công Thương và UBND cấp tỉnh	

277.	2.000450	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
278.	2.000129	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
279.	1.000358	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
280.	1.000168	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
281.	2.002604	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc/08 ngày làm việc tại Sở Công Thương	3,5 ngày làm việc/ 04 ngày làm việc tại Sở Công Thương	
282.	1.000361	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
283.	2.000347	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
284.	2.000327	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
285.	2.000314	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
XXVIII.	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP CẢNH				
286.	3.000242	Thủ tục cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương	- 15 ngày và 05 ngày làm việc, - Tối đa 35	- 7,5 ngày và 2,5 ngày làm việc, - Tối đa 17,5	

			ngày và 13 ngày làm việc	ngày và 6,5 ngày làm việc	
XXIX.	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
287.	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Dự án nhóm A không quá 35 ngày, dự án nhóm B không quá 25 ngày, dự án nhóm C không quá 15 ngày.	Dự án nhóm A không quá 17,5 ngày, dự án nhóm B không quá 12,5 ngày, dự án nhóm C không quá 7,5 ngày.	
288.	1.013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I; Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II, III; không quá 20 ngày đối với công trình cấp còn lại.	Không quá 20 ngày đối với công trình cấp I; Không quá 15 ngày đối với công trình cấp II, III; không quá 10 ngày đối với công trình cấp còn lại.	
XXX.	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG				
289.	1.009794	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình	Không quá 20 ngày	Không quá 10 ngày	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC				
1.	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 10 ngày làm việc	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	
2.	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 7 ngày làm việc	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc	
3.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 7 ngày làm việc	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc	
4.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc	
5.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc	
6.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc	
7.	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
8.	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 7 ngày làm việc	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 5 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 3,5 ngày làm việc	
9.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
II.	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ				
10.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
11.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai chính	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
12.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
III.	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ				
13.	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản	hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản	
14.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù	- Trong thời hạn 22,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			hợp.	hợp.	
IV.	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG				
15.	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn (QĐ công bố 30 ngày)	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn: 15 ngày	
V.	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG				
16.	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Không quy định	Không quy định	